

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày: 30-9-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương

Bà Hà Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Anh T; Sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKHKTT: **Tổ F, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**; Nơi ở trước khi bị bắt: **Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Trần Ngọc K**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1962; Vợ: **Lê Thị Thúy V**, sinh năm 1996; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/3/2024 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay (Có mặt).

2. Nguyễn Thị T1; Sinh năm 1990 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Nguyễn Văn K1**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1959; Chồng: **Dương Xuân S**, sinh năm 1986; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2023 cho đến nay (Có mặt).

3. Đỗ Thị Thu H; Sinh năm 1981 tại Hà Nội; Nơi ĐKHKTT: **Tổ dân phố X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội**; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: **Khu G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Kế toán **Công ty TNHH T6**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:

Việt Nam; Con ông: **Đỗ Kiên Q**, sinh năm 1952 và bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1954 (đã chết); Chồng: **Lục Đình Đ**, sinh năm 1979; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2023 cho đến nay (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Chi cục thuế khu vực T7**, tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Doãn T2** - Đội trưởng **đội Hành chính - Nhân sự** - - Ấn chỉ của **Chi cục thuế khu vực T7 - T** - Trú tại: **Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).

2. **Công ty TNHH T6**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lục Đình Đ**, sinh năm 1979 - Trú tại: **Khu G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Năm 2019, **Trần Anh T** làm nhân viên giao hàng cho **Lương Thị D**, sau khoảng 03 đến 04 tháng làm việc cho **D, T** biết việc giao hàng là do **D** và người đàn ông tên **V1** thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên **T** đã nhận làm trung gian bán trái phép hóa đơn cho **D** và **V1** (không rõ nhân thân, lai lịch) để hưởng lợi. **T** sử dụng số điện thoại 0976.761.057 đăng ký các tài khoản mạng xã hội Zalo, facebook rồi đăng thông tin cung cấp dịch vụ kế toán thuế và số điện thoại để khách hàng có nhu cầu liên lạc mua trái phép hóa đơn. Khi có khách hàng liên hệ mua trái phép hóa đơn, **T** yêu cầu cung cấp các thông tin như: Tên công ty, mã số thuế, loại hàng hóa, số lượng, số tiền cần ghi trên hóa đơn rồi chuyển cho **V1** để xuất hóa đơn, sau đó chuyển lại cho người mua nhằm hưởng lợi chênh lệch. Đến cuối năm 2020, **Đỗ Thị Thu H** với mục đích trốn thuế nên đã liên hệ với **Nguyễn Thị T1** mua trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa, dịch vụ để kê khai, quyết toán thuế. **Nguyễn Thị T1** đã liên lạc qua mạng xã hội với **Trần Anh T** (**T** là trung gian) mua 21 số hóa đơn giá trị gia tăng rồi bán lại cho **H** nhằm mục đích hưởng lợi với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 1.320.583.550 đồng, được xuất bán từ 04 Công ty gồm: 04 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH **T8**, mã số thuế 0314078776, địa chỉ tại **2 N, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh**, người đại diện theo pháp luật là **Nguyễn Quang T3**, sinh năm 1988, trú tại **E V, khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp** với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 74.459.000 đồng, thời gian năm 2020; 02 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH **T9**, mã số thuế 0107755557, địa chỉ tại **tầng D, Ocean Park B1, A Đ, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội**, người đại diện theo pháp luật là **Trần Đình V2**, sinh năm 1991, trú tại **thôn L, xã P, huyện P, Hà Nội** với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 643.225.000 đồng, thời gian năm 2021; 03 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH **T10**, mã số thuế 0108327064, địa chỉ tại **thôn L, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội**, người đại diện theo pháp luật là **Phan Văn Q1**, sinh năm 1992, trú tại **Ấp F, xã A, huyện B, tỉnh Long An** với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 403.393.650 đồng, thời gian năm 2021; 12 số hóa đơn của Công ty TNHH **S1**, mã

số thuế 0107859475, địa chỉ tại số A, hẻm B, ngõ G, phố B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, người đại diện theo pháp luật là Võ Văn T4, sinh năm 1963, trú tại Ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 199.505.900 đồng, thời gian năm 2021.

Tổng số tiền Đỗ Thị Thu H chuyển cho Nguyễn Thị T1 để mua 21 số hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên là 46.000.000 đồng, T1 chuyển khoản cho Trần Anh T 41.000.000 đồng, T1 hưởng lợi 5.000.000 đồng, Trần Anh T trả cho người tên V1 hết 37.000.000 đồng, T hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Sau khi Đỗ Thị Thu H mua được 21 số hóa đơn giá trị gia tăng, H sử dụng 21 số hóa đơn và USB Token có chữ ký số của Lục Đình Đ - Giám đốc Công ty TNHH T6 để hạch toán chi phí đầu vào, kê khai, quyết toán thuế trong năm tài chính 2021 nhằm giảm số tiền thuế phải nộp nhưng không báo cáo cho Lục Đình Đ biết.

Ngoài ra, vào tháng 3/2022, với mục đích bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa, dịch vụ để thu lợi bất chính, bị cáo Trần Anh T liên hệ với các đối tượng không xác định được nhân thân, lý lịch mua lại 03 Công ty đã được thành lập nhưng không phát sinh hoạt động để xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng cho người có nhu cầu, gồm: Công ty TNHH T11, mã số thuế 1102010418, địa chỉ tại số B, Ấp B, xã P, huyện B, tỉnh Long An, người đại diện theo pháp luật là Cao Văn Q2, sinh năm 1993, trú tại A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Công ty TNHH N1, mã số thuế 0317232680, địa chỉ tại E T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là Dương Hoài P1, sinh năm 1973, trú tại 5.06 C, N, phường G, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH T12, mã số thuế 0317045923, địa chỉ tại B đường N, xã L, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là Huỳnh Quốc T5, sinh năm 1985, trú tại 107/112, 1 F Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Trần Anh T trực tiếp quản lý USB Token, con dấu của các Công ty trên để xuất bán hóa đơn khi khách hàng có nhu cầu nhằm mục đích hưởng lợi 65.000 đồng/01 hóa đơn xuất bán. Cũng với cách thức hoạt động như cũ, sau khi đăng thông tin lên mạng xã hội và được người mua cung cấp các thông tin như tên Công ty, mã số thuế, loại hàng hóa, số lượng, số tiền..., T sử dụng USB Token của một trong các Công ty trên để xuất hóa đơn điện tử dưới dạng file PDF rồi gửi cho khách hàng qua ứng dụng tin nhắn facebook hoặc Zalo. Sau đó, khách hàng thanh toán tiền mua hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản qua các dịch vụ chuyển tiền nhanh NAPAS hoặc các ứng dụng chuyển tiền như M, Z vào tài khoản của T. Theo cách thức như trên, trong năm 2022 Trần Anh T đã sử dụng pháp nhân của 03 Công ty trên để bán trái phép 1374 số hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi đầy đủ nội dung cho nhiều Công ty, tổ chức, cá nhân trên cả nước với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 25.424.371.391 đồng, với tổng số tiền thu lợi là 89.310.000 đồng, cụ thể: 30 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T11 với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 193.632.495 đồng; 356 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH N1 với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 3.149.609.258 đồng; 988 số hóa đơn

giá trị gia tăng của Công ty TNHH T12 với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 22.081.129.638 đồng.

Tại kết luận giám định số 1098/KL-GĐV ngày 20/12/2023 của Cục thuế tỉnh L kết luận: Hành vi của Công ty TNHH T6 “Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp” là hành vi trốn thuế. Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm qua giám định là 168.003.874 đồng, trong đó: Thuế giá trị gia tăng phải nộp là 107.977.349 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 60.026.525 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Thu giữ của bị cáo Trần Anh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 01 thẻ sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A13 màu hồng nhạt, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, 04 USB Token màu trắng nhãn hiệu EasyCA, 01 con dấu Công ty TNHH Đ1, 01 căn cước công dân mang tên Hà Văn M1 và 84.000.000 đồng. Bị cáo T khai nhận, bị cáo sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, 03 điện thoại còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, 04 USB Token là của bị cáo mua để xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng (bị cáo mới dùng 03 USB Token), số tiền 84.000.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo tác động gia đình nộp lại, còn lại 9.310.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T1 giao nộp là tiền do bị cáo T1 phạm tội mà có. Thu giữ của Công ty TNHH T6: Báo cáo tài chính, sổ chi tiết các tài khoản của Công ty năm 2021; các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty sử dụng để kê khai, quyết toán thuế năm 2021; 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP, màu bạc; 01 USB Token màu đen bạc; số tiền 168.003.874 do bị cáo Đỗ Thị Thu H giao nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Bị cáo H khai nhận những tài liệu, giấy tờ đã thu giữ của Công ty TNHH T6 là tài liệu để trốn thuế năm 2021; 01 máy tính là của Công ty giao cho bị cáo để làm việc, bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội ông Lục Đình Đ không biết; còn số tiền 168.003.874 đồng là tiền bị cáo H nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; đối với 01 USB Token là của Công ty TNHH T6, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục thuế khu vực T7 - T trình bày: Công ty TNHH T6 đã quyết toán thuế năm 2021, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền trốn thuế là 168.003.874 đồng của Công ty TNHH T6.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T6 là ông Lục Đình Đ trong quá trình điều tra trình bày: Quá trình điều hành, quản lý hoạt động tài chính - kế toán và sử dụng USB Token của Công ty ông giao cho Đỗ Thị Thu H. Do vậy, ông không biết và không tham gia cùng với H về việc mua bán trái phép hóa đơn để nhằm mục đích trốn thuế.

Đối với Dương Hoài P1, Cao Văn Q2, Huỳnh Quốc T5 là những người đại diện theo pháp luật của 03 Công ty được Trần Anh T mua lại để thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn. Kết quả điều tra xác định các cá nhân này đều không tham gia thành lập Công ty, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Việc người khác sử dụng giấy tờ cá nhân để thành lập Công ty thì P1, Q2, T5 đều không biết. Do đó, Cơ quan điều tra Công an tỉnh L sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Quang T3, Phan Văn Q1, Trần Đình V2, Võ Văn T4 là người đại diện theo pháp luật của 04 Công ty có hành vi bán trái phép 21 số hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa, dịch vụ. Kết quả điều tra không xác định được những người này hiện đang ở đâu, làm gì nên chưa đủ căn cứ để điều tra làm rõ và xử lý trong cùng vụ án. Cơ quan điều tra Công an tỉnh L sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Lục Đình Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T6. Kết quả điều tra xác định ông Đ không biết, không tham gia vào hành vi mua bán trái phép hóa đơn nhằm mục đích trốn thuế của bị cáo Đỗ Thị Thu H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Đ.

Theo lời khai của Trần Anh T và kết quả kiểm tra 04 USB Token thu giữ của T xác định, T xuất bán 1374 số hóa đơn giá trị gia tăng của 03 Công ty (01 USB Token của Công ty TNHH Đ1, T chưa sử dụng) cho các Công ty, tổ chức, cá nhân, việc mua bán thông qua mạng xã hội, không biết tên tuổi, địa chỉ của người mua và không có sổ sách ghi chép. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh được một số Công ty, tổ chức, cá nhân mua hóa đơn nhưng xác định không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Do các Công ty, tổ chức, cá nhân nằm rải rác trên địa bàn cả nước, một số Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nên Cơ quan điều tra đã ban hành Công văn số 508/CV-CSĐT ngày 08/6/2024 gửi Công an các tỉnh thành trên cả nước về việc đề nghị phối hợp điều tra vụ án hình sự và Công văn số 780/CSKT ngày 30/7/2024 gửi đến 73 Cục thuế, Chi cục thuế các địa phương quản lý các doanh nghiệp có sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp, đề nghị rà soát, kiểm tra việc kê khai, quyết toán thuế đồng thời cung cấp thông tin vi phạm pháp luật về thuế, mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn đến Công an các địa phương để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an tỉnh L không đề cập xử lý các Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã mua hóa đơn, trốn thuế trong cùng vụ án, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của **Đỗ Thị Thu H** tự ý mua trái phép 21 số hóa đơn không kèm theo hàng hóa, dịch vụ để trốn thuế với tổng số tiền là 168.003.874 đồng. Kết quả điều tra xác định số tiền này **H** sử dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh của **Công ty TNHH T6**, **H** không chiếm đoạt sử dụng cá nhân nên không cấu thành tội phạm khác.

Đối với người phụ nữ tên **Lương Thị D**, người đàn ông tên **V1** và những đối tượng đã bán lại 03 Công ty để **Trần Anh T** bán trái phép hóa đơn. Do **Trần Anh T** không biết nhân thân, lý lịch của những người này nên chưa đủ căn cứ xác minh làm rõ và xử lý trong cùng vụ án, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với số điện thoại 0976.761.057, **Trần Anh T** sử dụng để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Kết quả điều tra xác định số điện thoại trên của người đứng tên là chị **Đậu Thị N**, sinh năm 1997, trú tại **xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**, chị **N** không biết, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn của **Trần Anh T**. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị **Đậu Thị N** là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSLC-P1 ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo: **Trần Anh T** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Nguyễn Thị T1** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo **Đỗ Thị Thu H** về tội “Trốn thuế” theo điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Trần Anh T**, **Nguyễn Thị T1** phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; bị cáo **Đỗ Thị Thu H** phạm tội “Trốn thuế”.

Đối với bị cáo **Trần Anh T**: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Phạt bị cáo **Trần Anh T** từ 350.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng. Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **T**, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Đối với bị cáo **Nguyễn Thị T1**: Áp dụng khoản 1 Điều 203, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo **Nguyễn Thị T1** từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Đối với bị cáo **Đỗ Thị Thu H**: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Thu H** từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 203 (đối với bị cáo **Trần Anh T**, **Nguyễn Thị T1**), khoản 4 Điều 200 (đối với bị cáo **Đỗ Thị Thu H**) Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; miễn các hình phạt bổ sung còn lại cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: Báo cáo tài chính, sổ chi tiết các tài khoản của Công ty TNHH T6 năm 2021; các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T6 sử dụng để kê khai, quyết toán thuế năm 2021.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Anh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 01 thẻ sim.

Tịch thu tiêu hủy: 04 USB Token màu trắng nhãn hiệu EasyCA, 01 con dấu Công ty TNHH Đ1, 01 căn cước công dân mang tên Hà Văn M1.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo: Trần Anh T là 84.000.000 đồng; Nguyễn Thị T1 là 5.000.000 đồng; Đỗ Thị Thu H là 168.003.874 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Anh T là 9.310.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Trần Anh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A13 màu hồng nhạt, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen.

Trả lại cho Công ty TNHH T6: 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP, màu bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2020 đến năm 2022, trên địa bàn huyện T và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các bị cáo Trần Anh T, Nguyễn Thị T1, Đỗ Thị Thu H đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Cuối năm 2020 và đầu năm 2021, Đỗ Thị Thu H đã mua của Nguyễn Thị T1 21 số hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi đầy đủ nội dung không kèm theo hàng hóa, dịch vụ với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 1.320.583.550 đồng để trốn thuế năm 2021 với tổng số tiền là 168.003.874 đồng, H đã trả cho T1 tổng số tiền mua bán hóa đơn là 46.000.000 đồng. Số hóa đơn trên T1 mua của Trần Anh T qua mạng xã hội (khi đó T làm trung gian) với số tiền 41.000.000 đồng, sau khi T nhận được tiền của T1, T chuyển trả 37.000.000 đồng cho người xuất hóa đơn tên V1, như vậy T1 hưởng lợi 5.000.000 đồng, T hưởng lợi 4.000.000 đồng. Ngoài ra, quá trình điều tra thu được 04 USB Token của T, trong đó có 01 USB Token Tài

chưa sử dụng, còn lại 03 USB Token thể hiện năm 2022 đã xuất bán 1374 số hóa đơn với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 25.424.371.391 đồng, thu lợi bất chính là 89.310.000 đồng cho nhiều Công ty, tổ chức, cá nhân trên mạng xã hội không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người mua, việc mua bán không có sổ sách, ghi chép. Như vậy, **Trần Anh T** phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép 1395 số hóa đơn (21 số hóa đơn bán cho **T1** và 1374 số hóa đơn bán cho các Công ty, tổ chức, cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ người mua) với tổng số tiền thu lợi bất chính là 93.310.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán, chế độ quản lý thuế của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Anh T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Thị T1** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Đỗ Thị Thu H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo **Trần Anh T** phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **Nguyễn Thị T1**, **Đỗ Thị Thu H** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo **Nguyễn Thị T1**, **Đỗ Thị Thu H** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo **Nguyễn Thị T1**, sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã tự khai ra bị cáo **Trần Anh T**. Bị cáo **T** đã nộp tiền thu lợi bất chính là 84.000.000 đồng, bị cáo **T1** đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng. Bị cáo **H** đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 168.003.874 đồng và bố đẻ bị cáo **H** là ông **Đỗ Kiên Q** được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, chồng là **Lục Đình Đ** được Ủy ban nhân **huyện T** tặng Giấy khen năm 2023. Do đó bị cáo **T** được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **T1** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **H** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành

vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo **T** và **T1**) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Theo khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo **H**) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; các hình phạt bổ sung còn lại miễn cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xét thấy các tài liệu, giấy tờ đã thu giữ trong quá trình điều tra là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án gồm: Báo cáo tài chính, sổ chi tiết các tài khoản của **Công ty TNHH T6** năm 2021; các hóa đơn giá trị gia tăng của **Công ty TNHH T6** sử dụng để kê khai, quyết toán thuế năm 2021.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 01 thẻ sim thu giữ của bị cáo **Trần Anh T**. Kết quả điều tra xác định, bị cáo **T** đã sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 04 USB Token màu trắng nhãn hiệu EasyCA, 01 con dấu **Công ty TNHH Đ1**, 01 căn cước công dân mang tên **Hà Văn M1**. Xét thấy đây là những vật chứng **T** mua của người không rõ nhân thân, lý lịch để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 84.000.000 đồng do gia đình bị cáo **Trần Anh T** giao nộp, 5.000.000 đồng do bị cáo **Nguyễn Thị T1** giao nộp. Kết quả điều tra xác định, số tiền trên là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 9.310.000 đồng do bị cáo **Trần Anh T** phạm tội mà có, bị cáo **T** đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo **T** theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A13 màu hồng nhạt, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen thu giữ của bị cáo **Trần Anh T**. Kết quả điều tra xác định

không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo **T** theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP, màu bạc thu giữ của **Công ty TNHH T6**. Kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của **Công ty TNHH T6**, Công ty đã giao máy tính trên cho **Đỗ Thị Thu H** để thực hiện nhiệm vụ của Công ty, việc bị cáo **H** sử dụng vào việc phạm tội, người đại diện theo pháp luật của Công ty không biết nên cần trả lại cho **Công ty TNHH T6** theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo **Đỗ Thị Thu H** nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 168.003.874 đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu theo biên lai số 0000050 ngày 05/9/2024.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Kiến nghị: Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L** tiếp tục điều tra, phối hợp với Công an các địa phương để điều tra, làm rõ hành vi mua bán trái phép hóa đơn, trốn thuế liên quan đến bị cáo **Trần Anh T**, **Nguyễn Thị T1** và các Công ty do bị cáo **T** sử dụng để bán trái phép hóa đơn để tránh lọt người, lọt tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo **Trần Anh T**;

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị T1**;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự với bị cáo **Đỗ Thị Thu H**;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo **Trần Anh T**, **Nguyễn Thị T1**, **Đỗ Thị Thu H**:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Anh T**, **Nguyễn Thị T1** phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn"; Bị cáo **Đỗ Thị Thu H** phạm tội "Trốn thuế".

2. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo **Trần Anh T** 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

- Phạt bị cáo **Nguyễn Thị T1** 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

- Phạt bị cáo **Đỗ Thị Thu H** 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

* Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **T**, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng của vụ án:

3.1. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án gồm: Báo cáo tài chính, sổ chi tiết các tài khoản của **Công ty TNHH T6** năm 2021; các hóa đơn giá trị gia tăng của **Công ty TNHH T6** sử dụng để kê khai, quyết toán thuế năm 2021 (hiện đang lưu hồ sơ vụ án).

3.2. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 01 thẻ sim.

3.3. Tịch thu tiêu hủy: 04 USB Token màu trắng nhãn hiệu EasyCA, 01 con dấu **Công ty TNHH Đ1**, 01 căn cước công dân mang tên **Hà Văn M1**.

3.4. Tịch thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo: **Trần Anh T** 84.000.000 đồng; **Nguyễn Thị T1** 5.000.000 đồng.

3.5. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo **Trần Anh T** 9.310.000 đồng.

3.6. Trả lại cho bị cáo **Trần Anh T**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY A13 màu hồng nhạt, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen.

3.7. Trả lại cho **Công ty TNHH T6**: 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP, màu bạc.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa **Công an tỉnh L** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 06/9/2024 và biên lai số 0000096 ngày 12/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).*

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Đỗ Thị thu H** phải nộp lại số tiền trốn thuế là 168.003.874 đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu theo biên lai số 0000050 ngày 05/9/2024.

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Phan Thị Phương